

Số: 1104 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
đợt 20 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp xét của Tổ Thư ký thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 20 năm 2026 cho 29 cá nhân (*Danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB (để báo cáo);
- BGD Sở Y tế (để báo cáo);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

(Bs.Lam/26.10.26)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Văn Dũng

**DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐỢT 20 NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
1	PHAN VĂN KHIẾT	06/06/1986	038086047071	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003062/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
2	PHẠM THỊ MINH ANH	06/02/2000	075300000375	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003063/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
3	TẠ ĐĂNG KHOA	15/07/1989	037089015540	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003064/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
4	NGUYỄN THỊ THỦY NGUYỄN	24/10/2000	066300005705	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003065/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
5	TỪ THỊ CHUNG	20/09/1992	044192011466	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003066/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
6	THỎ ANH LONG	25/12/2000	060200006803	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003067/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
7	VÕ CAO DANH	08/05/2001	075201004662	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003068/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
8	BÙI VĂN KHỞI	18/02/1991	042091013914	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003069/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
9	ĐẶNG THỊ NGÀ	20/04/1991	048191006487	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003070/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
10	ĐINH THIÊN TRIỆU	17/11/1995	075095004843	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003071/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
11	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	19/06/1984	075084014220	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003072/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
12	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	04/05/2001	075301005375	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003073/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
13	BÙI THANH HIỆP	20/01/1992	083092001692	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003074/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
14	HÀ THỊ THÚY HẰNG	20/10/1998	044198010869	Việt Nam	Bác sỹ	Y học dự phòng	003075/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
15	PHẠM HẢI LINH	09/02/1997	075097010158	Việt Nam	Bác sỹ	Y học dự phòng	003076/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
16	VŨ PHẠM NHƯ QUỲNH	06/10/1996	075196014554	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003077/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
17	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	16/12/1990	038190025793	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003078/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
18	LÊ THỊ HIỀN	20/10/1987	040187003546	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003079/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
19	LÊ VĂN TRÍ	22/12/1996	001096008228	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003080/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
20	BÙI THỊ TÂM ANH	01/09/2002	075302019249	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003081/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
21	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	10/10/1999	075199006891	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003082/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
22	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	14/02/2004	075304013545	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003083/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
23	CẦN THỊ MINH NGUYỆT	20/09/1984	070184001520	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003084/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
24	NGUYỄN TRỌNG TÀI	10/05/2003	075203007201	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003085/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
25	NGUYỄN THỊ BÍCH	07/07/1990	015190011950	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003086/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
26	TRỊNH THỊ TÚ	22/10/1992	042192015988	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003087/ĐNAI-GPHN	Cấp lại

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
27	ĐÀM THỊ HÂN	03/02/1990	040190010455	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003088/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
28	ĐẶNG XUÂN ĐỨC	28/06/1992	042092003222	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003089/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
29	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	14/11/1996	075196013939	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003090/ĐNAI-GPHN	Cấp lại